

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HSST
Ngày: 21 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Ông Lý A Hoi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2019/TLST- HS ngày 19 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/HSST-QĐ ngày 05/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Văn P; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 16/7/1990; Tại tỉnh H;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12 phổ thông; Con ông: Cao P - sinh năm 1959 (Còn sống); Con bà: Hà Thị S (tên gọi khác: Vũ Thị S)- sinh năm 1962 (Còn sống); Vợ: Chưa có, con: Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: 02 tiền án: Ngày 06/5/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 27 tháng tù. Ngày 27/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 01/01/2019 P chấp hành xong hình phạt tù và án phí, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 05/6/2019 cho đến ngày xét xử (có mặt).

- Bị hại: Anh Lò Văn T; Địa chỉ: Bản M I, xã M, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt).
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
 1. Ông Lò T; Địa chỉ: Bản M I, xã M, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt).
 2. Chị Quàng T; Địa chỉ: Bản H 2, xã N, huyện M, tỉnh B (Vắng mặt).
 3. Ông Lê T; Địa chỉ: Số nhà 16, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).
 4. Ông Lò Văn K; Địa chỉ: Bản S 2, xã K, huyện Đ, tỉnh B. (Vắng mặt).
 5. Ông Cao P; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 01/6/2019, Cao Văn P đi bộ một mình từ bên xe về nhà, khi đi qua phòng trọ số 120, tổ dân phố 05, phường B, P thấy trước cửa phòng anh Lò Văn T thuê trọ dựng một chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 27B1 - 776.18 trị giá 17.000.000đ không có người trông coi, P nảy sinh ý định chiếm đoạt làm phương tiện đi lại, nên đi đến lén lút gạt chân chống xe, lùi xe ra đường, dắt về nhà. P vào bếp lấy kim điện tháo biển số xe đem vào bếp cất giấu, dùng hai tay gạt bung yên xe, thấy trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 27B1 - 776.18, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đều mang tên Lò T, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn T, P đem vào bếp đốt rồi lên nhà gọi bạn gái là Quàng T đang ngủ dậy, nói tặng xe T làm phương tiện để cả hai cùng sử dụng. P không nói nguồn gốc xe cho T biết và nói dối chìa khóa xe bị rơi mất, rủ T đem ra quán sửa xe của ông Lê T, thuê đầu nỏ hết 30.000đ, sáng ngày 04/6/2019 P lấy biển kiểm soát 27B1- 229.42 nhật được của ông Lò Văn K vớt đi trước đó lắp vào xe vừa trộm cắp được rồi đem biển kiểm soát 27B1 - 776.18 vớt xuống nương tại khu vực đồi độc lập. Ngày 04/6/2019, P bị cơ quan công an triệu tập và thu giữ 01 xe máy, 01 kim điện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/QĐ ngày 05/6/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 27B1 - 776.18, số khung: RLHJA3908HY749518, Số máy: JA39E0729710, xe đã qua sử dụng có giá 17.100.000đ. Tổng trị giá bị cáo Cao Văn P trộm cắp là 17.100.000đ.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSTPĐBP ngày 19/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Cao Văn P về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Cao Văn P về tội Trộm

cấp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Cao Văn P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Cao Văn P không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự.... Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, khoảng 04 giờ 00 phút ngày 01/6/2019, tại số nhà 120, tổ dân phố 15, phường B, thành phố Đ, Cao Văn P đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản trị giá 17.100.000đ của anh Lò Văn T.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường B nói riêng, thành phố Đ nói chung, Cao Văn P phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 27/7/2012 Cao Văn P bị Tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng tình tiết tái phạm, tuyên phạt 07 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 01/01/2019, P chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bản án này chưa được xóa án tích. Ngày 01/6/2019 P tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Cao Văn P không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS, Bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử và phải đi chấp hành các bản án với các mức hình phạt tù khác nhau, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Cao Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, với hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 17.100.000đ, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/ BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với chị Quàng T, địa chỉ: Bản H 2, xã N, huyện M, tỉnh B, do không biết việc Cao Văn P trộm cắp tài sản, đối với ông Lê T, địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, do anh T không biết chiếc xe máy do bị cáo phạm tội mà có, nên đã đồng ý đấu dây điện của ổ khóa xe máy, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc kim bằng kim loại, có phần tay cầm bọc nhựa màu đỏ, dài khoảng 20cm, đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Cao P, 01 bằng tiểu học số 122234/TH 2002 mang tên Cao Văn P của bị cáo P, xét thấy bị cáo không dùng vào việc phạm tội, ngày 30/8/2019 cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc kim điện trên cho ông Phận, trả bằng tiểu học cho bị cáo P, bị cáo đã ủy quyền cho ông Cao P, địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố Đ (là bố đẻ của bị cáo) nhận hộ. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 27B1 - 776.18, số khung: RLHJA3908HY749518, Số máy: JA39E0729710, xe đã qua sử dụng. Ngày 24/7/2019 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho ông Lò T, địa chỉ: Bản M 1, xã M,

huyện B. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, 01 bảo hiểm xe máy mang tên ông Lò T, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên anh Lò Văn T, đã bị bị cáo Cao Văn P đốt vào ngày 01/6/2019, 01 biển kiểm soát 27B1 - 776.18, bị cáo P đã mang đi vứt tại nương nước đang chảy gần đồi Độc Lập, nên không thu hồi được, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc biển kiểm soát 27B1 - 229.42 đã cũ, quá trình điều tra xác định là chiếc biển kiểm soát được gắn trên chiếc xe máy nhãn hiệu KITAFU của ông Lò Văn K, địa chỉ: Bản S 2, xã K, huyện Đ, tỉnh B, tuy nhiên chiếc xe đó đã bị hư hỏng nên ông K đã bán chiếc xe máy trên (có gắn biển kiểm soát 27B1 - 229.42) cho cửa hàng thu mua phế liệu mà ông K không biết tên, tuổi địa chỉ. Nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Cao Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Cao Văn P 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (05/6/2019).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B cho ông Lò T, ông Cao P.

Tịch thu tiêu hủy chiếc biển kiểm soát 27B1 - 229.42.

3. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò

T, chị Quàng T, ông Lò Văn K, ông Lê T có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao P có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thúy Thành